

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ Sáu, nhiệm kỳ II (2019-2024)

(Phiên họp thường kỳ Quý I năm 2020)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP;

Căn cứ Biên bản phiên họp thứ Sáu nhiệm kỳ II (2019-2024) (cuộc họp thường kỳ Quý I năm 2020) của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP tổ chức vào ngày 02/3/2020.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 361 TTr./TEDI-TGD ngày 19/02/2020 của Tổng giám đốc, gồm các nội dung sau:

1. Kết quả SXKD năm 2019: *(Số liệu chưa được kiểm toán độc lập)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		KH 2019	TH 2019	Tỷ lệ %	KH 2019	TH 2019	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	800.000	890.121	111	390.000	450.484	116
2	Tổng doanh thu	800.000	881.697	110	350.000	381.055	109
3	Lợi nhuận trước thuế	52.949	54.556	103	24.200	25.797	107
4	Lợi nhuận sau thuế:	42.355	43.154	102	21.525	22.540	105
	T/ đó: - CĐ Công ty mẹ	28.186	29.529	105	21.525	22.540	105
	- CĐ không kiểm soát	14.169	13.625	96	-	-	-
5	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	1.612	1.772	110	x	x	x
6	Tổng mức đầu tư, mua sắm tài sản cố định	18.374	8.332	45	6.308	1.716	27
7	Phải nộp NSNN	82.118	87.530	108	28.000	30.722	110
8	Thu nhập bình quân	12,000	12,500	104	14,500	15,300	106

2. Kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 của Ban điều hành Tổng công ty và NĐDPV, KSV tại công ty con:

TT	Đơn vị	Xếp loại doanh nghiệp năm 2019	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của BDH TCT, NĐDPV-KSV
1	TEDI	A	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2	HECO		
3	BRITEC		
4	TECCO 2		
5	TEDCO 4		
6	TECCO 5		
7	APECO		
8	RECO		
9	TEDI-WECCO	B	Hoàn thành nhiệm vụ
10	TEDI-GIC	C	Chưa hoàn thành nhiệm vụ
11	TEDI-PORT		

3. Kế hoạch SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ %	TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	890.121	800.000	90	450.484	400.000	89
2	Giá trị sản lượng	920.000	900.000	98	415.800	418.669	101
3	Tổng doanh thu	881.697	800.000	91	381.055	360.000	94
4	Lợi nhuận trước thuế	52.974	52.536	99	25.797	25.350	98
5	Lợi nhuận sau thuế:	42.638	42.099	99	22.540	22.140	98
	T/ đó: - CĐ C.ty mẹ	29.529	28.985	98	22.540	22.140	98
	- CĐ không kiểm soát	13.625	13.114	96	-	-	-
6	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	1.772	1.732	98	x	x	x
7	Đầu tư tài sản cố định	8.432	13.241	157	1.716	5.841	340
8	Phải nộp NSNN	87.439	78.800	91	30.722	29.000	94
9	Thu nhập bình quân	12,5	13,000	104	15,3	15,0	98
10	Cổ tức	X	X	X	15,00	15,50	103

Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020 sẽ ban hành chính thức sau khi nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2020.

4. Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

4.1 Công tác tổ chức

* **Thời gian:** Sáng thứ Sáu, ngày 17/4/2020. Thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội: 17h00 ngày 31/3/2020. Thời gian gửi thông báo mời họp: Ngày 01/4/2020;

* **Đoàn chủ tọa: 3 người**

- 1) Ông Hitoshi YAHAGI - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Phạm Hữu Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
- 3) Ông Phùng Tiến Trung - Thành viên HĐQT

* **Ban tổ chức: 6 người**

- 1) Ông Đỗ Minh Dũng - TV HĐQT, Phó TGD - Trưởng Ban
- 2) Ông Đào Ngọc Vinh - TV HĐQT, Phó TGD - Phó Ban
- 3) Ông Nguyễn Công Tâm - Trưởng phòng TCCB-LĐ - Thành viên
- 4) Ông Trương Minh Sơn - Trưởng phòng TCKT - Thành viên
- 5) Bà Trần Nguyệt Anh - Chánh văn phòng - Thành viên
- 6) Bà Trần Thị Thu Hương - TGV HĐQT - Thành viên, TK

* **Ban kiểm tra tư cách cổ đông: 3 người**

- 1) Ông Ngô Nam Hà - Phó phòng QLKD - Trưởng ban
- 2) Bà Doãn Thanh Hà - Chuyên viên P. TCKT - Thành viên
- 3) Bà Trần Thị Bích Vân - Chuyên viên P. QLKD - Thành viên

* **Chương trình Đại hội:**

Giao Tổng giám đốc quyết định thành lập Ban Tổ chức và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

4.2 Dự thảo Tờ trình các nội dung ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua:

- (i) Báo cáo của Hội đồng quản trị
- (ii) Báo cáo tài chính năm 2019: Báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thông qua là báo cáo đã được kiểm toán độc lập.

(iii) *Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019:*

- Cổ tức: 1.500đ/cổ phần
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH: 3% lợi nhuận sau thuế, trong đó 50% thưởng HĐQT, BKS và 50% thưởng BDH.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Số còn lại sau khi trả cổ tức và trích các quỹ trên.

Phương án chính thức trình Đại hội đồng cổ đông sẽ căn cứ kết quả lợi nhuận sau thuế đã được kiểm toán độc lập.

(iv) *Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2019:* Quyết toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS theo kết quả SXKD năm 2019 là 1.053.145.000đ, tăng 5,7% so với dự toán được ĐHCĐ phê duyệt năm 2019. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2019	Số đã trả 4 quý năm 2019	Số còn được quyết toán
I. Hội đồng quản trị						
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch	174.720.000	184.762.000	174.720.000	10.042.000
2	Phạm Hữu Sơn	Phó CT	157.248.000	166.286.000	157.248.000	9.038.000
3	Đỗ Minh Dũng	Thành viên	139.776.000	147.810.000	139.776.000	8.034.000
4	Đào Ngọc Vinh	Thành viên	139.776.000	147.810.000	139.776.000	8.034.000
5	Phùng Tiến Trung	Thành viên	139.776.000	147.810.000	139.776.000	8.034.000
II. Ban Kiểm soát						
1	Phạm T.Hồng Nhung	Trưởng Ban	104.832.000	110.857.000	104.832.000	6.025.000
2	Ngô Nam Hà	Thành viên	69.888.000	73.905.000	69.888.000	4.017.000
3	Võ Hoàng Anh	Thành viên	69.888.000	73.905.000	69.888.000	4.017.000
III	Tổng cộng		995.904.000	1.053.145.000	995.904.000	57.241.000

(v) *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ %	TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	890.121	800.000	90	450.484	400.000	89
2	Giá trị sản lượng	920.000	900.000	98	415.800	418.669	101
3	Tổng doanh thu	881.697	800.000	91	381.055	360.000	94
4	Lợi nhuận trước thuế	52.974	52.536	99	25.797	25.350	98
5	Lợi nhuận sau thuế:	42.638	42.099	99	22.540	22.140	98
	T/ đó: - CĐ C.ty mẹ	29.529	28.985	98	22.540	22.140	98
	- CĐ không kiểm soát	13.625	13.114	96	-	-	-
6	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	1.772	1.732	98	x	x	x
7	Đầu tư tài sản cố định	8.432	13.241	157	1.716	5.841	340
8	Phải nộp NSNN	87.439	78.800	91	30.722	29.000	94
9	Thu nhập bình quân	12,5	13,000	104	15,3	15,0	98
10	Cổ tức	X	X	X	15,00	15,50	103

(vi) *Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2020:*

Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	DN Loại A không quá 8% LNST, DN Loại B không quá 5% LNST và DN Loại C không quá 2% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - BKS; 50% thưởng Ban TGD, KTT.
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Không quá 20% LNST
Cổ tức (% vốn điều lệ)	15,5% vốn điều lệ.

(vii) Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020:

Dự toán thù lao năm 2020 được xác định dựa trên mức thù lao thực hiện năm 2019, tổng số là 1.053.168.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng						
TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao tháng/người	Thù lao KH năm 2020
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	15.937.000	184.764.000
2	PCT HĐQT-TGD	1	0,9	12	13.857.000	166.284.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	36	12.318.000	443.448.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	9.238.000	110.856.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	24	6.159.000	147.816.000
	Cộng	8		96		1.053.168.000

Thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty.

5. Công tác đại diện phân vốn

5.1 Một số nội dung chỉ đạo chung:

- Về thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: Hoàn thành trong tháng 3/2020.
- Về Báo cáo tài chính năm 2019: Báo cáo của kiểm toán độc lập phải được sự thống nhất của Tổng công ty trước khi ban hành chính thức.
- Về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019: Theo kế hoạch đã được HĐQT Tổng công ty thống nhất và ĐHĐCĐ Công ty phê duyệt. Đối với các đơn vị cổ tức thực hiện cao hơn kế hoạch có thể trích lập các quỹ cao hơn quy định theo tỷ lệ phù hợp với mức tăng cổ tức nếu dòng tiền đáp ứng.
- Về kế hoạch năm 2020:
 - + Bám sát kế hoạch 5 năm 2019-2024, có xét đến tình hình thực tế.
 - + Về lợi nhuận sau thuế: Đảm bảo tỷ suất lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chưa bao gồm việc trích lập dự phòng, xử lý nợ phải thu khó đòi, tổn thất hàng tồn kho theo quy định) trên doanh thu tự thực hiện không thấp hơn 6%.
 - + Về phân phối lợi nhuận sau thuế: Cổ tức bình quân không thấp hơn 15,5%; Quỹ thưởng Người QLDN tối đa 8%, 5%, 2% LNST tương ứng với doanh nghiệp loại A, B, C; Quỹ Khen thưởng phúc lợi không quá 20%; Quỹ thưởng doanh số bán hàng không quá 5% LNST (cho các đơn vị có doanh thu vượt 4 lần vòng quay vốn chủ sở hữu); còn lại là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
 - + Về thù lao HĐQT, BKS: Không quá 0,5% tổng doanh thu.

Trên đây là chỉ đạo chung để NĐDPV lập kế hoạch SXKD hàng năm. Tùy điều kiện thực tế mỗi năm, HĐQT sẽ có những chỉ đạo, đánh giá và phê duyệt cho phù hợp.

5.2 Các nội dung chỉ đạo NĐDPV biểu quyết tại ĐHĐCĐ các công ty con

Giao Tổng giám đốc thay mặt Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp với NĐDPV (nếu cần) và thông báo bằng văn bản để chỉ đạo Người đại diện phân vốn các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo Tờ trình số 361 TTr./TEDI-TGD ngày 19/02/2020 của Tổng giám đốc.

5.3 Công tác nhân sự NĐDPV, KSV:

Thống nhất phương án nhân sự NĐDPV và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS các Công ty HECO, TEDCO4 của Tổng giám đốc. Giao Tổng giám đốc ký các văn bản chỉ đạo Người đại diện phân vốn phối hợp với HĐQT các Công ty con liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 2. Thống nhất một số nội dung liên quan đến công tác tái cơ cấu ngành cảng đường thủy tại Tờ trình số 362 TTr./TEDI-TGD ngày 19/02/2020 của Tổng giám đốc như sau:

- (1) Công tác tái cơ cấu ngành cảng đường thủy tại Công ty mẹ là cần thiết và phải quan tâm thực hiện. Việc lựa chọn phương án và thời điểm triển khai thực hiện cần xem xét thận trọng, phù hợp với tình hình thực tế. Trước mắt, tuyển dụng nhân lực có trình độ, kinh nghiệm chuyên ngành cảng đường thủy tại Công ty mẹ để hỗ trợ, tham mưu cho Ban lãnh đạo Tổng công ty trong lĩnh vực cảng đường thủy;
- (2) Tiếp tục ổn định tổ chức, nhân sự để phát triển ngành cảng đường thủy cũng như nâng cao hiệu quả SXKD tại hai công ty con TEDI-PORT và TEDI-WECCO;
- (3) Từng bước thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư của Tổng công ty tại hai công ty con TEDI-PORT và TEDI-WECCO.

HĐQT sẽ có văn bản trả lời ý kiến cổ đông về công tác tái cơ cấu ngành cảng đường thủy trên cơ sở các nội dung đã được HĐQT thống nhất nêu trên.

Tổng giám đốc và NĐDPV tại hai công ty con TEDI-PORT và TEDI-WECCO phối hợp với HĐQT công ty triển khai thực hiện các nội dung liên quan phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Thống nhất dự thảo Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT – CTCP. Ban Kiểm soát có trách nhiệm hoàn thiện Báo cáo sau khi có Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán độc lập.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết gồm năm (05) trang, được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc có khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên lựa chọn để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, Người Đại diện phần vốn, Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các công ty con và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS TCT;
- ĐU-CĐ TCT (ph/h);
- Các phòng QLCN (th/h);
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hitoshi YAHAGI